

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành về ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Đức Phố (điều chỉnh), thị xã Đức Phố; Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thị xã Đức Phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Đức Phố (điều chỉnh), thị xã Đức Phố;

Căn cứ Quyết định số 5727/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND thị xã Đức Phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phía Tây thị trấn Đức Phố (tỷ lệ 1/500); Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thị xã Đức Phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phía Tây thị trấn Đức Phố (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Nghị Quyết số 73/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND thị xã Đức Phổ về việc chủ trương dự án đầu tư: Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn;

Căn cứ Quyết định số 13244a/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các công trình dự kiến khởi công mới năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn;

Căn cứ Công văn số 48/SCT-QLNL ngày 09/01/2023 của Sở Công thương về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục Cấp điện thuộc dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn; Công văn số 1735/SKHCHN-QLCN ngày 04/11/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thẩm định công nghệ, thiết bị hạng mục Trạm xử lý nước thải dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn; Công văn số 449/SGTVT-QLCL ngày 04/3/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục công trình giao thông dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn;

Căn cứ Công văn số 66/SXD-QLHĐXD ngày 13/01/2023 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn;

Căn cứ Công văn số 73/GY-PCCC&CNCH ngày 11/4/2023 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở dự án: Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 108/TTr-BQL ngày 18/4/2023; Phòng Quản lý đô thị thị xã Đức Phổ tại Công văn số 113/PQLĐT ngày 26/4/2023 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn, với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng hoàn chỉnh Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị; kết

nối hệ thống hạ tầng, giao thông theo quy hoạch chung thị xã Đức Phổ, tạo điều kiện từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn thị xã Đức Phổ; đồng thời tạo tiền đề khai thác quỹ đất nhằm phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở để hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV tiến đến thực hiện tiêu chí đô thị loại III.

4.2. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.2.1. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn với tổng diện tích khoảng 2,16 ha gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, điện chiếu sáng, vỉa hè + cây xanh, cấp điện, cấp nước và thông tin liên lạc theo quy hoạch được duyệt.

4.2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.2.2.1. San nền:

- San nền theo lô với tổng diện tích khoảng 1,5ha, toàn bộ khu vực san nền được đắp với tổng khối lượng khoảng 22.123m³, chiều dày đất đắp trung bình (0,5÷2,0)m, hệ số đầm nén $K \geq 0,85$, đào đất cục bộ diện tích khoảng 26m², khối lượng đào khoảng 2,3m³.

- Gia cố mái ranh taluy đắp tại những đoạn đắp san nền cao; kết cấu mái gia cố thiết kế bê tông M150 đá 2x4 dày 12cm, chân khay đỡ bê tông M150 đá 2x4.

4.2.2.2. Giao thông:

a) Các tuyến đường giao thông trong khu đất được thiết kế dạng hai mái với $I_{\text{ngang}}=2\%$ dốc sang hai bên, hè đường dốc $I_{\text{hè}}=1,5\%$ về phía lòng đường, bao gồm 05 tuyến có các cấp đường, mặt cắt ngang như sau:

Bảng tổng hợp cấp, loại đường và quy mô mặt cắt ngang từng tuyến đường

TT	Tên tuyến đường	Cấp đường, loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường		
					B _n (m)	B _m (m)	B _{vh} (m)
1	Tuyến số 1 (N16-N42)	Cấp đường khu vực, loại đường khu vực	40	107	17,5	7,5	2x5,0
2	Tuyến số 02 (N35-N42)	Cấp nội bộ, loại đường phân khu vực	40	200	13,5	7,5	2x3,0
3	Tuyến số 03 (N35-N34)			32	13,5	7,5	2x3,0
4	Tuyến số 04			34	13,5	7,5	2x3,0

TT	Tên tuyến đường	Cấp đường, loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường		
					B _n (m)	B _m (m)	B _{vh} (m)
	(N38-N37)						
5	Tuyến số 05 (N40-N39)			37	13,5	7,5	2x3,0
	Tổng cộng:			410			

b) Nền, mặt đường:

- Bình đồ, trắc dọc: Bình đồ tuân thủ theo quy hoạch được duyệt; đi qua các điểm khống chế điểm đầu, điểm cuối và một số nút quy hoạch.

- Trắc ngang: Thiết kế với quy mô bề rộng nền, mặt đường theo giải pháp mặt cắt ngang nêu trên.

- Nền đường: Đối với nền đắp lớp trên cùng đầm $K \geq 0,98$ dày 50cm, lớp dưới đầm $K \geq 0,95$ sau khi đã bóc lớp hữu cơ và xử lý nền đất yếu bằng lớp cát dày 80cm; đối với nền đào, đào đến cao độ thiết kế, lu lèn nền đường tự nhiên đầm chặt $K \geq 0,95$, trường hợp nền đất tự nhiên không đảm bảo, tiến hành đào thay đất, đầm chặt $K \geq 0,95$. Mái taluy các đoạn đắp cao và các đoạn có nguy cơ xói lở, được gia cố bằng bê tông M150 đá 2x4 dày 12cm.

- Mặt đường: Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, tải trọng trục thiết kế 100KN. Kết cấu áo đường thiết kế đạt $E_{yc}=120\text{Mpa}$, với các lớp kết cấu từ trên xuống: Lớp BTNC19 dày 7cm; tưới nhựa đường pha dầu dính bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m^2 ; lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\max}=25\text{mm}$ dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 1 $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 15cm.

c) Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều cao bó vỉa $h=13\text{cm}$.

d) Nút giao thông: Thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vuốt nổi êm thuận, đảm bảo an toàn giao thông và thoát nước tốt, kết cấu mặt đường trong nút theo kết cấu mặt đường của tuyến đường.

đ) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

4.2.2.3. Vĩa hè + Cây xanh:

- Vĩa hè thiết kế hai bên tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vĩa hè lát gạch Terrazzo (400x400x30)mm trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5cm. Hồ trồng cây kích thước (1,0x1,0)m, thành hồ dùng bê tông M200 đá 1x2, mặt hồ lát đất Granite.

- Cây xanh: Thiết kế dọc các tuyến đường giao thông; kích thước hố (1,0x1,0)m, thành hố bằng bê tông đá 1x2 M200. Khoảng cách giữa các hố cây trung bình khoảng (7÷10)m. Cây xanh trồng cây Móng Bò đường kính tại chiều cao tiêu chuẩn (7÷10)cm, chiều cao (4,0÷4,5)m.

4.2.2.4. Thoát nước mưa: Thiết kế dọc vỉa hè các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø(400÷1500)mm, cống hộp BxH=2000x2000(mm); cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-X60, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80. Nước mưa từ mặt đường và công trình được thu gom vào các hố thu bố trí dọc các tuyến đường, qua các tuyến cống và đầu nối vào cống hộp BxH=3000x3000(mm) hiện trạng tại vị trí nút giao đường Lê Thánh Tôn với đường Nguyễn Nghiêm, đường Trần Hưng Đạo; độ dốc dọc tuyến $i=(0,1÷4,3)\%$. Các hố thu, giếng thăm bố trí dọc theo các tuyến cống. Giếng thăm trên vỉa hè thiết kế bê tông đối với chiều sâu <2,3m, đối với giếng thăm có chiều sâu $\geq 2,3$ m thiết kế BTCT; giếng thăm dưới đường thiết kế bê tông cốt thép; nắp giếng thăm thiết kế đan bê tông cốt thép kết hợp đan gang định hình. Hố thu bằng bê tông đá 1x2 M250 đáy song chắn rác bằng gang.

4.2.2.5. Cấp nước: Thiết kế dọc tuyến đường theo quy hoạch được phê duyệt. Nguồn nước đầu nối tại vị trí đường ống Ø150 hiện trạng phía Tây QL1A (đường Nguyễn Nghiêm). Đường ống phân phối sử dụng ống nhựa HDPE Ø100/110, đường ống dịch vụ sử dụng ống nhựa HDPE Ø50/63. Bố trí các trụ cứu hỏa D100 theo quy hoạch được phê duyệt.

4.2.2.6. Thoát nước thải:

- Hệ thống nước thải được thiết kế theo quy hoạch được phê duyệt và chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của đô thị. Tuyến cống thiết kế dọc phía sau các lô đất và trên vỉa hè; Sử dụng ống HDPE đường kính Ø(200÷300); độ dốc dọc tuyến trung bình $i=(0,1÷0,9)\%$. Hố ga trên vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 M200, đan đáy hố ga thiết kế bê tông cốt thép; Hố ga dưới đường thiết kế bê tông cốt thép, đan đáy hố ga bê tông cốt thép M250 đá 1x2.

- Trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải với quy mô công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm.

+ Về công nghệ: Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng cho trạm xử lý nước thải Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn áp dụng theo phương pháp vi sinh, kết hợp với phương pháp xử lý cơ học và hoá lý với quy trình công nghệ như sau: Nước thải phát sinh từ khu dân cư → Bể thu gom → Ngăn tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí sinh học MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải đầu ra là hệ thống thoát nước chung của dự án rồi chảy ra sông Đập Quán (nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B) là phù hợp.

+ Về thiết bị: Các thiết bị chính của Trạm xử lý như: Các bể xử lý, song chắn rác, bơm chìm, phao báo mức, đĩa thổi khí, máy đo pH, bơm định lượng, bơm bùn, máy khuấy chìm, máy thổi khí, giá thể MBBR, bơm định lượng, bồn hóa chất, tháp khử mùi,... có thông số kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu công nghệ.

4.2.2.7. Cấp điện:

a) Qui mô hạng mục:

- Xây dựng mới tuyến đường dây 22kV đi ngầm: 272m.
- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 3P-22/0,4KV với dung lượng 250kVA.
- Xây dựng mới đường dây hạ thế 0,4KV đi ngầm: 452,5m.

b) Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

* Phần đường dây trung thế đi ngầm

- Kết cấu lưới điện và dây dẫn:

+ Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây.

+ Toàn bộ dây dẫn trung áp xây dựng mới đi ngầm loại dây đồng trung thế. Ký hiệu: 3Cu/XLPE/DATA/PVC(1x70)mm² – 24kV.

- Các giải pháp đấu nối và bảo vệ:

+ Do tuyến đường dây ngắn nên toàn bộ chiều dài cáp ngầm không được nối cáp để đảm bảo an toàn trong quá trình quản lý và sử dụng.

+ Tại các vị trí cáp ngầm lên cột phải được lắp chống sét van và nối đất vỏ cáp để bảo vệ cáp, trị số điện trở nối đất phải đảm bảo không được lớn hơn trị số trong bảng II.5.5 của điều II.5.72 của quy phạm trang bị điện.

+ Dây dẫn đầu nối từ đường dây 22kV đến cầu chì tự rơi (sử dụng cầu chì tự rơi có vật liệu cách điện bằng polymer) và đầu cáp ngầm sử dụng cáp đồng 1 lõi bọc PVC cách điện XLPE-24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x70)mm² – 12,7/24kV.

+ Dây dẫn đầu nối từ đầu cáp ngầm đến chống sét van (sử dụng chống sét van có vật liệu cách điện bằng polymer) sử dụng cáp đồng 1 lõi bọc PVC cách điện XLPE-24kV. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x50)mm² – 12,7/24kV.

+ Đầu cáp ngầm được bịt kín bằng hộp đầu cáp ngầm 1 pha ngoài trời.

+ Tại vị trí đầu nối vào đường dây 22kV hiện có sử dụng bộ đầu rẽ cho dây bọc có tiết diện phù hợp (Bao gồm kẹp cáp xuyên cách điện, chốt đầu rẽ và khóa đầu lèo).

+ Dây bọc trung thế sử dụng phụ kiện phù hợp tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong quá trình vận hành và gây sự cố.

+ Tại vị trí đầu nối có bố trí LBFCO bảo vệ quá áp cho đường dây cáp ngầm.

+ Vỏ cáp ngầm và giá đỡ cáp ngầm phải được nối đất. Dây nối đất dùng loại dây đồng bọc CV35.

+ Hành lang tuyến theo đúng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Các giải pháp kỹ thuật phần xây dựng:

+ Cáp lên, xuống cột được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE $\Phi 85/65$ để bảo vệ cáp.

+ Tuyến đi trong mương cáp nền đất có độ sâu chôn cáp là 1m so với mặt vỉa hè, cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE $\Phi 80/65$ cáp nằm giữa lớp cát, phía trên là lớp đất đầm chặt.

+ Khoan ống qua đường có độ sâu 1m so với mặt đường, cáp được luồn trong ống nhựa PPR $\Phi 75 \times 6,8$ PN10. Hai đầu cáp vượt đường được bố trí hố ga.

+ Xà: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μm .

* Phân trạm biến áp:

- Kết cấu và dung lượng trạm:

+ Xây dựng mới 01 trạm biến áp 250kVA-22/0,4kV để cấp nguồn cho dự án.

+ Máy biến áp 3 pha, cấp điện 22/0,4KV; được bố trí ở cuối tuyến đường dây 22kV xây dựng mới.

- Sơ đồ nối điện chính:

+ Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây – máy biến áp. Sử dụng 01 tủ RMU 24kV dùng để bảo vệ quá tải, ngắn mạch, đóng cắt máy biến áp.

+ Phía hạ áp của máy biến áp dùng sơ đồ 01 lộ tổng bảo vệ ngắn mạch, quá tải và đóng cắt lộ tổng.

- Các giải pháp đấu nối và bảo vệ:

+ Đấu nối từ MBA đến Áptomát tổng dùng cáp 1 ruột đồng bọc cách điện XLPE, vỏ bọc PVC. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x240)mm²-600V; Cu/XLPE/PVC(1x120)mm²-600V và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE $\Phi 130/100$.

+ Đấu nối từ thanh cái đến tủ tụ bù dùng loại cáp đồng 1 ruột bọc PVC, cách điện: Cu/XLPE/PVC(1x120)mm²-600V; Cu/XLPE/PVC(1x70)mm² - 600V.

+ Đấu nối từ Áptomát tổng đến thanh cái hạ thế sử dụng dây đồng bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x240)mm²-600V.

- Nối đất:

+ Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất cọc - tia hỗn hợp; Ký hiệu: LR-16 gồm 16 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2,5 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CB240-T- $\Phi 12$ mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Dây nối từ vỏ các thiết bị, trung tính MBA đến tiếp địa cột, dùng dây đồng trần bọc CV35. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp phải theo qui định tại Điều I.7.52 của Quy phạm trang bị điện 11TCN 18-2006 và Điều II.5.72 của Quy phạm trang bị điện 11TCN 19-2006.

+ Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μm .

- Đo lường:

Đo đếm điện năng bằng công tơ điện tử 3 pha 220/380V-5A thông qua biến dòng 400/5A đặt tại tủ điện trạm biến áp.

- Phần xây dựng:

+ Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu trạm 1 cột thép ngoài trời, máy biến áp đặt trên bệ đỡ của cột thép rỗng, bên trong có ống luồn cáp trung thế, hạ thế, chiếu sáng, bảng điện để lắp đặt hệ thống đo đếm và áp tô mát tổng.

+ Cột thép trạm biến áp: Dùng cột thép mạ kẽm cao 3m được gia công từ thép tấm dày 5mm.

+ Móng cột trạm biến áp: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột.

+ Tại trạm biến áp có gắn biển tên trạm biến áp, biển cấm trèo và cờ chỉ thị thứ tự pha. Cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có khoan lỗ để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

- Phần bù công suất phản kháng

Để nâng cao hệ số công suất cho phụ tải, tại trạm biến áp lắp đặt tủ tụ hợp bộ bù tự động công suất phản kháng, loại kèm phụ kiện đặt trên bệ, có tổng dung lượng bù là 120kVAr, có bộ điều khiển hệ số $\cos\omega$ bù tự động được 4 cấp bù. Cấp cấp nguồn từ tủ điện hạ áp đến tủ bù dùng cáp đồng bọc Cu/XLPE/PVC(1x120)mm² - 600V, Cu/XLPE/PVC(1x70)mm² - 600V. Biến dòng cấp tín hiệu cho tủ tụ bù dùng loại 250/5A, cấp tín hiệu bù dùng dây dẫn CVV(2x1.5)mm²-600V.

* Phần đường dây hạ thế đi ngầm:

- Kết cấu lưới điện và dây dẫn:

+ Cấp điện áp 0,4kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 4 dây.

+ Toàn bộ dây dẫn hạ thế xây dựng mới đi ngầm dùng loại dây đồng hạ thế:
+ Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x95+1x50)mm²-600V;

+ Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x70+1x50)mm²-600V.

- Các giải pháp bảo vệ:

+ Sử dụng Aptomát 3 pha 3 cực 200A để bảo vệ cho các xuất tuyến thuộc trạm biến áp xây dựng mới.

+ Tại tủ điện sinh hoạt bố trí một hệ thống tiếp địa kiểu LR-2: gồm 02 cọc thép, mỗi cọc dài 2,5m bằng thép góc L63x63x6 mạ kẽm làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CB240-T-D12 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở của mỗi nối đất lặp lại phải đảm bảo

$R_{nd} \leq 30\zeta$ ở bất kỳ thời điểm nào trong năm theo quy định tại điều I.7.52 của quy phạm trang bị điện.

+ Các tủ điện sinh hoạt tiếp địa được nối liên hoàn với nhau bằng dây đồng trần M35mm².

- Các giải pháp kỹ thuật phân xây dựng:

+ Móng tủ điện sinh hoạt được lắp ghép bởi 2 chi tiết: Chi tiết 1 lắp đặt mới bằng bê tông cốt thép Mác 200, được lắp chặt trên chi tiết 2 (hào cáp kỹ thuật có sẵn) bằng bulông liên kết.

+ Hố cáp sau tủ điện được xây dựng ngay sau móng tủ điện và được liên kết với móng tủ điện bằng vữa xi măng. Hố cáp sau tủ điện có lắp đặt ống luồn cáp trực chính và ống luồn cáp đến hộ tiêu thụ.

+ Hố cáp phụ (sử dụng tại vị trí khu dân cư): được xây dựng tại vị trí ranh giới giữa 2 hộ tiêu thụ, phục vụ cho việc đấu nối, kéo cáp vào nhà. Khoảng cách từ hố cáp phụ đến chỉ giới xây dựng có thể được điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công.

+ Mương cáp chính: Cáp ngầm hạ thế đi từ tủ điện trạm biến áp đến các tủ điện sinh hoạt và từ tủ điện sinh hoạt đến tủ điện sinh hoạt khác, cáp được đi trong mương cáp nền đất cáp điện cho các khu dân cư.

+ Mương cáp phụ (mương cáp dẫn đến các hộ dân cấp điện khu dân cư): Cáp ngầm hạ thế đi từ tủ điện sinh hoạt đến hộ sử dụng được đặt trong mương cáp phụ. Cáp ngầm đi trong mương cáp phụ có độ sâu chôn cáp là 0,3m so với mặt nền, cáp nằm giữa lớp cát và được luồn trong ống nhựa PVC D42, dày 3mm đến mỗi hộ dân. Tại vị trí rẽ nhánh vào hộ dân bố trí 1 hố cáp phụ để đấu nối cáp vào nhà.

- Các giải pháp kỹ thuật của tủ điện sinh hoạt:

Tủ điện sinh hoạt được chế tạo và lắp đặt trọn bộ trên móng tủ điện sinh hoạt. Vỏ tủ điện được gia công bằng thép inox 304, dày 1,5mm, có lắp sẵn các chi tiết để lắp đặt các thiết bị bảo vệ (Áptômát).

Thiết bị bên trong cho mỗi tủ điện bao gồm:

+ Áptômát tổng 3 pha 100A - 600V: 1 cái (tùy theo phụ tải)

+ Thanh cái đồng bọc nhựa, thanh ray lắp thiết bị, gói cách điện, đầu cốt đồng và các phụ kiện cần thiết khác.

4.2.2.8. Điện chiếu sáng: Thiết kế chiếu sáng một bên dọc các tuyến đường có bề rộng mặt đường $B_m=7,5m$. Nguồn điện được đấu nối từ hệ thống cáp điện khu vực tại tủ điện hạ thế thuộc TBA 250kVA khu dân cư Nam đường Lê Thánh Tôn xây dựng mới. Đường dây chiếu sáng đi ngầm, sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (4x6)mm²; Trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cao 8m. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất tối thiểu 80W.

4.2.2.9. Thông tin liên lạc:

Bộ trí hệ thống đường ống (chờ lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc) gồm 03 tuyến ống nhựa PVC Ø100/110, đi ngầm dọc theo vỉa hè của các tuyến đường, theo quy hoạch được duyệt.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích đất sử dụng: 2,16 ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:

* Nhóm dự án: Nhóm C.

* Loại, cấp công trình:

- Hạng mục giao thông: Công trình giao thông, cấp III.

- Hạng mục hệ thống cấp điện: Công trình năng lượng, cấp IV.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

+ Hạng mục thoát nước mưa: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

+ Hạng mục thoát nước thải: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

+ Các hạng mục san nền, cấp nước, điện chiếu sáng, vỉa hè + cây xanh, thông tin liên lạc: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: QCVN 10/2014/BXD, QCVN 07/2016/BXD, QCXDVN 01:2021/BXD, TCVN 7957:2008, TCXDVN 33:2006, TCVN 5574:2012, TCVN 9116:2012, TCVN 104:2007 và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 42.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, sáu trăm triệu đồng):

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	11.796.602.158	đồng.
- Chi phí xây dựng	:	24.609.084.452	đồng.
- Chi phí thiết bị	:	1.231.956.399	đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	590.542.210	đồng.
- Chi phí tư vấn	:	2.329.442.313	đồng.
- Chi khác	:	804.743.175	đồng.
- Chi phí dự phòng	:	1.237.629.293	đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân thị xã (vốn thu từ quỹ đất).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu khối lượng khảo sát địa hình, địa chất và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; khối lượng khảo sát được nghiên cứu phải đủ điều kiện: Phù hợp với các tiêu chuẩn ngành hiện hành, đảm bảo chất lượng lập hồ sơ thiết kế cơ sở và được sử dụng lại trong bước lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (trừ khối lượng khảo sát được phép bổ sung trong giai đoạn thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở).

2. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Kiểm tra, rà soát lại khối lượng và các khoản mục chi phí, kinh phí tổng mức đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước để đảm bảo chính xác và tiết kiệm chi phí đầu tư; quản lý chặt chẽ kinh phí của công trình trong phạm vi tổng mức đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt.

3. Tiến hành lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo đúng quy định làm cơ sở phê duyệt.

5. Thực hiện các nội dung kiến nghị của các cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài Nguyên và Môi trường, Kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Nguyễn Nghiêm; Chủ đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Thị ủy, TT HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phó Chánh VP;
- CVVP_(Thuận, Quỳnh);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiền